TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **131**/2025/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 316/2025/TLST-VHNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Mai Thị Ngọc Đ, sinh ngày 19/8/1989, số CCCD: 077189009681 cấp ngày 29/9/2022. Cư trú tại: Tổ A, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Bùi Tấn L, sinh ngày 12/02/1990, số CCCD: 091090005037 cấp ngày 16/02/2022. Cư trú tại: Ấp M, xã U, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Mai Thị Ngọc Đ và ông Bùi Tấn L tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16 ngày 29/3/2019, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 11 năm 2025, bà Đ và ông L xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc bà Đ và ông L thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: 01 con chung tên Bùi Gia V, sinh ngày 26/12/2016. Sau ly hôn, ông bà thỏa thuận giao cháu V cho bà Đ trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông L cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét thấy thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc hôn nhân: Bà Đ và ông L mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị Ngọc Đ và ông Bùi Tấn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Mai Thị Ngọc Đ và ông Bùi Tấn L thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: 01 con chung tên Bùi Gia V, sinh ngày 26/12/2016. Sau ly hôn, buộc ông Bùi Tấn L giao cháu Bùi Gia V cho bà Mai Thị Ngọc Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Bùi Tấn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Ngọc Đ và ông Bùi Tấn L mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng); được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0036762 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ và ông L đã nộp xong.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12-TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Hải, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Bảo Ngọc